

sinh từ ngày 30/3/2016 đến ngày 30/3/2017 với mức lãi 08%/năm và từ ngày 31/3/2017 đến nay với mức lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất trong hạn. Lúc bà H vay tiền thì bà H và ông Phan Ngọc N đã ly hôn nên Ông chỉ yêu cầu một mình bà H có nghĩa vụ trả tiền cho Ông.

- *Bị đơn bà Phạm Thị Mỹ H trình bày:* bà H thừa nhận lời trình bày của ông Trần Quốc C là đúng. Vào ngày 30/3/2016, Bà có vay của ông Trần Quốc C số tiền 150.000.000 đồng, mục đích vay để đầu tư phòng khám da liễu, thời hạn vay 01 năm, lãi suất 8%/năm. Bà có đưa 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 783172 thửa đất số 192, tờ bản đồ 11, địa chỉ thửa đất tại phường L, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk cho ông C giữ. Từ khi vay cho đến nay do phòng khám không có khách và đã đóng cửa nên Bà chưa có tiền trả lãi và gốc cho ông C. Sau đó ông C có khởi kiện Bà tại Tòa án nhân dân thành phố T và Bà có hẹn lại nợ vào ngày 11/6/2018. Nhưng do làm ăn cũng khó khăn vì phải nuôi 02 con đi học nên không có đủ tiền để trả nợ cho ông C. Nay ông C khởi kiện lại yêu cầu Bà phải trả số tiền gốc 150.000.000 đồng thì bà đồng ý, về tiền lãi suất Bà xin ông C xem xét tính lãi suất 9%/năm từ ngày vay đến nay và không tính lãi quá hạn vì khả năng tài chính của Bà hiện giờ rất khó khăn và Bà xin trả dần thành 03 lần, mỗi lần cách nhau 07 tháng. Đây là nợ riêng của Bà không liên quan tới ông Phan Ngọc N vì Bà và ông N đã ly hôn trước khi Bà vay tiền của ông C để đầu tư riêng vào phòng khám da liễu nên Bà đề nghị Tòa án không triệu tập ông N để làm việc.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 81/2019/DS-ST ngày 08/10/2019, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Đắk Lắk quyết định:

- *Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 241; Điều 266 và Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng các Điều 471, 476, 478 Bộ luật dân sự 2005. Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.*

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Quốc C.

Buộc bà Phạm Thị Mỹ H phải trả cho ông Trần Quốc C tổng số tiền 208.095.000 đồng (Hai trăm linh tám triệu, không trăm chín lăm ngàn đồng). Trong đó 150.000.000 đồng tiền gốc và 58.095.000 đồng lãi suất.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 0,66%/tháng.

Về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 783172 thửa đất số 192, tờ bản đồ 11, địa chỉ phường L, thành phố T mà ông C đã cầm làm tin của bà H không phải là tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật nên khi nào bà H trả hết số tiền trên cho ông C thì ông C phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho bà H.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 27/6/2022, ông Phan Ngọc N có đơn gửi Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự sơ thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 64/QĐ-VC2-DS ngày 31/8/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm: Sửa một phần Bản án sơ thẩm nêu trên theo hướng buộc ông Trần Quốc C phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 783172 thửa đất số 192, tờ bản đồ 11, địa chỉ phường L, thành phố T được Ủy ban nhân dân thành phố T cấp ngày 20/9/2010 cho ông Phan Ngọc N và bà Phạm Thị Mỹ H.

- Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tranh chấp nợ vay: Tại đơn khởi kiện các ngày 10/5/2019 và 20/5/2019 (bl 7,8,12,13), Thông báo thụ lý số 300/TB-TLVA ngày 28/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột (bl 18,19), Bản tự khai ngày 19/6/2019 (bl 25), Biên bản hòa giải ngày 05/7/2019 (bl 33-35) và tại phiên tòa sơ thẩm ngày 08/10/2019 (bl 59-61) thể hiện ông Trần Quốc C chỉ khởi kiện và được Tòa án thụ lý đối với yêu cầu buộc bà Phạm Thị Mỹ H phải trả cho ông C số tiền 150.000.000 đồng tiền nợ gốc và 60.075.000 đồng nợ lãi. Ngoài ra ông C không yêu cầu gì đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 783172. Tòa án cấp sơ thẩm đã Căn cứ vào *Hợp đồng vay vốn số 01/2016* ngày 30/3/2016 và Giấy hẹn nợ (bl 40, 410) để *tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Quốc C. Buộc bà Phạm Thị Mỹ H phải trả cho ông Trần Quốc C tổng số tiền 208.095.000 đồng (Hai trăm linh tám triệu, không trăm chín lăm ngàn đồng). Trong đó 150.000.000 đồng tiền gốc và 58.095.000 đồng lãi suất; bà Phạm Thị Mỹ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 10.404.000 đồng là có căn cứ.*

[2]. Việc xem xét đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất...: Ngày 27/6/2022, ông Phan Ngọc N có đơn gửi Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự sơ thẩm nêu trên, lý do: Ông và bà H kết hôn ngày 28-11-2007, nay đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 153/2014/QĐST-HNGĐ ngày 05/5/2014 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Đắk Lắk. Trong thời kỳ hôn nhân ông N và bà H có tài sản chung là nhà và quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 192, tờ bản đồ 11, tại phường L, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk đã được Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 783172 ngày 20/9/2010 cho Hộ

ông Phan Ngọc N và bà Phạm Thị Mỹ H (về tài sản chung ông C bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết). Sau khi ly hôn, nhà đất này do bà H quản lý, kể cả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 30/3/2016, bà H vay tiền của ông C và để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ bà H đã giao cho ông C Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất...(bản chính nêu trên) để làm tin. Do bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông C khởi kiện buộc bà H trả nợ. Tại bản án sơ thẩm nêu trên đã xử buộc bà H trả nợ cho ông C và tuyên xử: *Về giấy chứng nhận quyền sử đất số BB 783172 thửa đất số 192, tờ bản đồ 11, địa chỉ phường L, thành phố T mà ông C đã cầm làm tin của bà H không phải là tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật nên khi nào bà H trả hết số tiền trên cho ông C thì ông C phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho bà H.*

Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ... là vượt quá yêu cầu khởi kiện của đương sự và không đúng pháp luật, bởi vì: Mặc dù ông N và bà H đã ly hôn theo Quyết định ... số 153/2014/QĐST-HNGĐ ngày 05/5/2014 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Đắk Lắk, tuy nhiên tài sản là quyền sử dụng đất nêu trên vẫn còn là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông N và bà H. Việc Bản án sơ thẩm xem xét đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ... và quyết định giao cho ông C được cầm giữ đến khi bà H trả hết tiền cho ông C nhưng không đưa ông N vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự, làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của ông N.

Theo quy định tại Điều 298 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính Phủ quy định về giao dịch bảo đảm: các giao dịch bảo đảm đối với tài sản là quyền sử dụng đất thì điều kiện để giao dịch bảo đảm có hiệu lực là phải đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật. Trong trường hợp này, bà H giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất...cho ông C với mục đích đảm bảo cho khoản vay 150.000.000 đồng, tuy nhiên các bên không thực hiện việc đăng ký giao dịch bảo đảm. Vì vậy, việc bảo đảm trên không được pháp luật công nhận nên Bản án sơ thẩm tuyên xử “... *khi nào bà H trả hết số tiền trên cho ông C thì ông C phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử đất nêu trên cho bà H*” là không phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án, có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng làm cho đương sự không thể thực hiện quyền lợi nghĩa vụ tố tụng của mình làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của người thứ ba là ông Phan Ngọc N, lẽ ra cần phải hủy Bản án dân sự sơ thẩm nêu trên; giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm để xét xử lại theo đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, theo Thông báo số 4602/TB-CCTHADS ngày 17/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T thì đến nay bà Phạm Thị Mỹ H đã thi hành được một phần nghĩa vụ (đã thi hành được số tiền 87.000.000 đồng trả cho ông Trần Quốc C, còn nợ ông C 121.095.000 đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm và đã thi hành 5.500.000 đồng còn phải thi hành 4.904.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm). Do đó không cần thiết phải hủy Bản án mà chỉ cần sửa Bản án sơ thẩm đối với phần có liên quan đến Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất... theo yêu cầu của ông Phan Ngọc N là phù hợp. Như vậy, Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 64/QĐ-VC2-DS ngày 31/8/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 337; khoản 5 Điều 343, Điều 347, Điều 349 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 81/2019/DS-ST ngày 08/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Đắk Lắk về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” giữa nguyên đơn là ông Trần Quốc C với bị đơn là bà Phạm Thị Mỹ H.

[2] Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 64/QĐ-VC2-DS ngày 31/8/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
Tuyên xử:

[2.1] Buộc ông Trần Quốc C phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 783172 do Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 20/9/2010 cho Hộ ông Phan Ngọc N và bà Phạm Thị Mỹ H thuộc thửa đất số 192, tờ bản đồ 11 tại địa chỉ: phường L, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk cho ông Phan Ngọc N và bà Phạm Thị Mỹ H.

[2.2] Các quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 81/2019/DS-ST ngày 08/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Đắk Lắk không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật thi hành.

[3] Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:

- Vụ PC và Quản lý khoa học - TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố T, tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THADS thành phố T, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng Lưu trữ; Phòng Giám đốc kiểm tra về DS-LĐ-KDTM và hồ sơ vụ án.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

CÁC THẨM PHÁN

**Phạm Tấn Hoàng
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Phước Thanh

Nguyễn Cường

Phạm Tấn Hoàng